

Số: 1109/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 14 tháng 05 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 6/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 380/TTr-SNNMT ngày 12 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể như sau:

1. Chuẩn hoá Danh mục 19 TTHC lĩnh vực Thủy sản, trong đó: 13 thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh; 03 thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện; 03 thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị khác.

2. Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

(có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; thay thế Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản tại Mục XIII, Phần A; Mục VI, Phần B Phụ lục I kèm theo Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La;

2. Bãi bỏ quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản tại các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 29/9/2029 về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 2855/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 895/QĐ-UBND ngày 17/5/2024 về việc công bố Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết TTHC lĩnh vực Thú y, Thủy sản thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện công khai Danh mục và nội dung thủ tục hành chính được công bố kèm theo Quyết định này; xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Viễn thông Sơn La (VNPT);
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Hương (03b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Minh

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA TRONG LĨNH VỰC THỦY SẢN THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai Cấp huyện trở lên) Số hồ sơ TTHC: 1.004923	Công khai phương án: 02 ngày làm việc <i>(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</i> . - Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành QĐ công nhận và giao quyền cho tổ chức cộng: 40 ngày làm việc <i>(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</i> .	- Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (một phần)	Chưa có văn bản quy định.	- Luật Thủy sản được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai Cấp huyện trở lên) Số hồ sơ TTHC: 1.004921	Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng: 05 ngày làm việc <i>(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</i> . - Đối với TH sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ	- Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức

		và khai thác nguồn lợi thủy sản: Công khai phương án: 02 ngày làm việc <i>(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</i> ; Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành QĐ công nhận và giao quyền cho tổ chức cộng: 40 ngày làm việc <i>(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</i> .	(toàn trình)		năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ) Số hồ sơ TTHC: 1.004918	- Trường hợp cấp mới: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Trường hợp cấp lại: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (một phần)	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp

					và Môi trường
4	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (<i>trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài</i>) Số hồ sơ TTHC: 1.004915	- Trường hợp cấp mới: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; - Trường hợp cấp lại: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (một phần)	Mức thu phí 5.700.000 đồng/lần (Mức phí trên chưa bao gồm chi phí đi lại của đoàn đánh giá. Chi phí đi lại do tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định chi trả theo thực tế, phù hợp với quy định).	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Thông tư số 112/2021/TT-BTC ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực quản lý nuôi trồng thủy sản. - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu) Số hồ sơ: TTHC1.004913	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

			công tỉnh Sơn La - Nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (một phần)		- Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
6	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực Số hồ sơ TTHC: 1.004692	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (toàn phần)	Chưa có văn bản quy định.	- Luật Thủy sản 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-

					CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
7	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản Số hồ sơ: TTHC: 1.004359	05 ngày làm việc (đối với cấp mới), 03 ngày làm việc (đối với cấp lại), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	- Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (toàn trình)	Lệ phí cấp mới 40.000 đồng/lần; lệ phí cấp lại 20.000 đồng/lần	-Luật Thủy sản 2017; -Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép

					khai thác, hoạt động thủy sản. - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
8	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá Số hồ sơ TTHC:1.004056	07 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).	- Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (một phần)	Chưa có văn bản quy định.	- Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản. - Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản. - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
9	Xóa đăng ký tàu cá Số hồ sơ TTHC: 1.003681	02 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	- Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến	Chưa có văn bản quy định.	- Luật Thủy sản được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và

			(toàn trình)		PTNT về việc quy định về đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá. - Thông tư số 01/2022/TT/BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
10	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu) Số hồ sơ TTHC: 1.003666	02 ngày làm việc <i>(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</i>.	- Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (một phần)	Chưa có văn bản quy định.	- Luật Thủy sản được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định về ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác. - Thông tư số 01/2022/TT/BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp

					và PTNT Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
11	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá Số hồ sơ TTHC: 1.003650	03 ngày làm việc <i>(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</i>.	- Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (một phần)	Chưa có văn bản quy định.	- Luật Thủy sản được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2017. - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; Công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản; - Thông tư số 06/2024/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2024 của của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2018/TT BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở

					đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
12	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá Số hồ sơ TTHC: 1.003634	02 ngày làm việc (<i>kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</i>).	- Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (toàn trình)	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định về đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá. - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản. - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức

					năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
13	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá Số hồ sơ TTHC: 1.003586	02 ngày làm việc (<i>kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</i>)	- Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (toàn phần)	Chưa có văn bản quy định.	- Luật Thủy sản được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định về đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá. - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

B. Danh mục thủ tục hành chính cấp huyện, Thành phố, thị xã

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) Số hồ sơ TTHC: 1.004498	- Đối với TH thay đổi tên tổ chức cộng đồng: 05 ngày làm việc <i>(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</i> . - Đối với TH sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: Công khai phương án: 02 ngày làm việc <i>(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</i> ; Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành QĐ công nhận và giao quyền cho tổ chức cộng: 40 ngày làm việc <i>(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</i> .	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện tại Trung tâm - Nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (toàn trình)	Chưa có văn bản quy	- Luật Thủy sản năm 2017; Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	Công bố mở cảng cá loại 3 Số hồ sơ TTHC: 1.004478	4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện tại Trung tâm - Nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (toàn trình)	Chưa có văn bản quy định.	- Luật Thủy sản 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức

					năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) Số hồ sơ TTHC: 1.003956	Công khai phương án: 02 ngày làm việc <i>(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</i>. - Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành QĐ công nhận và giao quyền cho tổ chức cộng: 40 ngày làm việc <i>(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</i>	- Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện tại Trung tâm - Nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (một phần)	Chưa có văn bản quy định.	- Luật Thủy sản năm 2017; Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

C. Thủ tục hành chính do cơ quan khác thực hiện

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu) Số hồ sơ TTHC 1.003593	02 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).	- Cơ sở đăng kiểm tàu cá Tổ chức quản lý cảng cá các tỉnh - Nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (một phần)	- Nộp 700.000 đồng/lần theo Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 (thực hiện đến hết ngày 14/01/2019). - Nộp 150.000 đồng + (số tấn thủy sản x 15.000 đồng/tấn); Tối đa 700.000 đồng/lần theo Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 (thực hiện từ ngày 15/01/2019).	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác.
2	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá Số hồ sơ TTHC 1.003590	Đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu: 16 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ). - Đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi: 08 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).	- Cơ sở đăng kiểm tàu cá - Nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (một phần)	5% giá thiết kế, theo Thông tư số 94/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số

					Thông tư trong lĩnh vực thủy sản; - Thông tư số 94/2021/TT- BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản. - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá Số hồ sơ TTHC 1.003563	03 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành kiểm tra	- Cơ sở đăng kiểm tàu cá - Nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (một phần)	Theo từng hạng mục Mục II Biểu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 94/2021/TT BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ

					trường Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản; - Thông tư số 94/2021/TT- BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thăm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thăm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản. - Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
--	--	--	--	--	--

PHẦN II.
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THỦY SẢN THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1. Tên TTHC: Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai Cấp huyện trở lên)

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ của Sở NN& Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản) thẩm định hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thủy sản	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên phòng Thủy sản	Dự thảo văn bản đề nghị ban hành văn bản thông báo công khai phương án	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng Thủy sản	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
		Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến trình ký duyệt	1/2 ngày
		Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
		Lãnh đạo tỉnh	Phê duyệt	1/2 ngày
B3	Thành lập hội đồng thẩm định Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần)	Chuyên viên phòng Thủy sản	Tổng hợp Dự thảo các văn bản	20 ngày
		Lãnh đạo phòng Thủy sản	Ý kiến xét duyệt	7 ngày
		Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến xét duyệt	4,5 ngày

B4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B5	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên phòng thủy sản	Văn bản phát hành <i>(đính kèm kết quả)</i>	1/2 ngày
B6	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B8	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Đính kèm kết quả <i>(scan Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng)</i>	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				42 ngày làm việc

2. Tên TTHC: Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)

a) Trường hợp Thay đổi tên tổ chức cộng đồng : Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 05 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/8 ngày
B2	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản thẩm định nội dung, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thủy sản	Ý kiến phân công	1/8 ngày
		Chuyên viên phòng thủy sản	Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung	01 ngày
		Lãnh đạo phòng thủy sản	Ý kiến xét duyệt	1/8 ngày
		Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến trình ký duyệt	1/8 ngày

B3	Xem xét trình phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/8 ngày
B4	Lấy số, vào sổ, chuyển văn bản lên UBND tỉnh	Chuyên viên phòng thủy sản	Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung	1/8 ngày
B5	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/8 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan Quyết định sửa đổi, bổ sung</i>)	1/8 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				05 ngày làm việc

b) Trường hợp: Sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 42 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản) thẩm định hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thủy sản	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên phòng Thủy sản	Dự thảo văn bản đề nghị ban hành văn bản thông báo công khai phương án	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng Thủy sản	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày

		Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến trình ký duyệt	1/2 ngày
		Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
		Lãnh đạo tỉnh	Phê duyệt	1/4 ngày
B3	Thành lập hội đồng thẩm định Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần)	Chuyên viên phòng Thủy sản	Tổng hợp Dự thảo các văn bản	20 ngày
		Lãnh đạo phòng Thủy sản	Ý kiến xét duyệt	7 ngày
		Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến xét duyệt	5 ngày
B4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B5	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên phòng thủy sản	Văn bản phát hành <i>(đính kèm kết quả)</i>	1/2 ngày
B6	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/2 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B8	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả <i>(scan Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng)</i>	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				42 ngày

3. Tên TTHC: Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)

a) Trường hợp cấp mới

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 10 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Thủy sản tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thủy sản	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Chuyên viên phòng Thủy sản	Dự thảo văn bản (thành lập đoàn đánh giá)	03 ngày
		Lãnh đạo phòng Thủy sản	Xét duyệt Quyết định thành lập đoàn đánh giá	1/2 ngày
B3	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Phê duyệt Quyết định	1/2 ngày
B4	Kiểm tra cơ sở; Xây dựng dự thảo và trình cấp Giấy chứng nhận	Chuyên viên Phòng Thủy sản	Kiểm tra cơ sở; Xây dựng dự thảo	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng Thủy sản	Xét duyệt Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B5	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Phê duyệt kết quả (giấy chứng nhận)	1/2 ngày

B6	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên Thủy sản	Văn bản phát hành (<i>đính kèm kết quả</i>)	1/4 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan Giấy chứng nhận</i>)	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				10 ngày làm việc

b) Trường hợp cấp lại

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 03 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Thủy sản tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thủy sản	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Chuyên viên phòng Thủy sản	Dự thảo Văn bản	1,5 ngày
		Lãnh đạo Phòng Thủy sản	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên phòng Thủy sản	Văn bản phát hành (<i>Giấy chứng nhận</i>)	1/4 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan Giấy chứng nhận</i>)	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				03 Ngày làm việc

4. Tên TTHC: Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)

a) Trường hợp cấp mới

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 07 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Thủy sản tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thủy sản	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Chuyên viên phòng Thủy sản	Dự thảo văn bản (thành lập đoàn đánh giá)	02 ngày
		Lãnh đạo phòng Thủy sản	Xét duyệt Quyết định thành lập đoàn đánh giá	1/4 ngày
B3	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Phê duyệt Quyết định	1/4 ngày
B4	Kiểm tra cơ sở; Lập Biên bản kiểm tra; Xây dựng dự thảo và trình cấp Giấy chứng nhận	Chuyên viên Phòng Thủy sản	Kiểm tra cơ sở; Lập Biên bản kiểm tra; Xây dựng dự thảo Giấy chứng nhận	03 ngày
		Lãnh đạo Phòng Thủy sản	Xét duyệt Giấy chứng nhận	1/4 ngày
B5	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Phê duyệt kết quả (giấy chứng nhận)	1/4 ngày

B6	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên Thủy sản	Văn bản phát hành (<i>đính kèm kết quả</i>)	1/4 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan Giấy chứng nhận</i>)	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				07 ngày làm việc

b) Trường hợp cấp lại

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 03 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Thủy sản tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thủy sản	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Chuyên viên phòng Thủy sản	Dự thảo vb	1,5 ngày
		Lãnh đạo Phòng Thủy sản	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên phòng Thủy sản	Văn bản phát hành (<i>Giấy chứng nhận</i>)	1/4 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan Giấy chứng nhận</i>)	1/4 ngày
Tổng thời gian thực:				03 Ngày làm việc

5. Tên TTHC: Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 7 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Thủy sản tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thủy sản	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Chuyên viên phòng Thủy sản	Dự thảo văn bản (<i>thành lập đoàn đánh giá</i>)	02 ngày
		Lãnh đạo phòng Thủy sản	Xét duyệt Quyết định thành lập đoàn đánh giá	1/4 ngày
B3	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Phê duyệt Quyết định	1/4 ngày
B4	Kiểm tra cơ sở; Lập Biên bản kiểm tra; Xây dựng dự thảo và trình cấp Giấy chứng nhận	Chuyên viên Phòng Thủy sản	Kiểm tra cơ sở; Lập Biên bản kiểm tra; Xây dựng dự thảo Giấy chứng nhận	03 ngày
		Lãnh đạo Phòng Thủy sản	Xét duyệt Giấy chứng nhận	1/4 ngày
B5	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Phê duyệt kết quả (<i>giấy chứng nhận</i>)	1/4 ngày
B6	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên Thủy sản	Văn bản phát hành (<i>đính kèm kết quả</i>)	1/4 ngày

B7	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan Giấy chứng nhận</i>)	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				07 ngày làm việc

6. Tên TTHC: Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 5,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Thủy sản tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thủy sản	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Chuyên viên phòng Thủy sản	Dự thảo vb	3 ngày
		Lãnh đạo Phòng Thủy sản	Ý kiến xét duyệt	1 ngày
B3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên phòng Thủy sản	Văn bản phát hành (<i>Giấy xác nhận</i>)	1/4 ngày

B5	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (scan giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	1/4 ngày
Tổng thời gian thực:				5,5 ngày làm việc

7. Tên TTHC: Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản

a) Trường hợp cấp mới

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 05 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Thủy sản tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thủy sản	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Chuyên viên phòng Thủy sản	Dự thảo vb	3,5 ngày
		Lãnh đạo Phòng Thủy sản	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên phòng Thủy sản	Văn bản phát hành (<i>Giấy phép khai thác thủy sản</i>)	1/4 ngày

B5	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (scan Giấy phép khai thác thủy sản)	1/4 ngày
Tổng thời gian thực:				05 ngày làm việc

b) Trường hợp cấp lại

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 03 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Thủy sản tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thủy sản	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Chuyên viên phòng Thủy sản	Dự thảo vb	1,75 ngày
		Lãnh đạo Phòng Thủy sản	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên phòng Thủy sản	Văn bản phát hành (<i>Giấy phép khai thác thủy sản</i>)	1/8 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (scan Giấy phép khai thác thủy sản)	1/8 ngày
Tổng thời gian thực:				03 Ngày làm việc

8. Tên TTHC: Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 7 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/8 ngày
B2	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản thẩm định nội dung, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thủy sản	Ý kiến phân công	1/8 ngày
		Chuyên viên phòng thủy sản	Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung	02 ngày
		Lãnh đạo phòng thủy sản	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
		Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến trình ký duyệt	1/2 ngày
B3	Xem xét trình phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/8 ngày
B4	Lấy số, vào sổ, chuyển văn bản lên UBND tỉnh	Chuyên viên phòng thủy sản	Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung	1/8 ngày
B5	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/4 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan Quyết định sửa đổi, bổ sung</i>)	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				07 ngày làm việc

9. Tên thủ tục: Xóa đăng ký tàu cá

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 02 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/8 ngày
B2	Phòng Thủy sản tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thủy sản	Ý kiến phân công	1/8 ngày
		Chuyên viên phòng Thủy sản	Dự thảo văn bản	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng Thủy sản	Ý kiến xét duyệt	1/8 ngày
B3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên phòng Thủy sản	Văn bản phát hành (<i>Giấy chứng nhận</i>)	1/8 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá	0 ngày
Tổng thời gian thực:				02 Ngày làm việc

10. Tên TTHC: Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 02 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/8 ngày
B2	Phòng Thủy sản tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thủy sản	Ý kiến phân công	1/8 ngày
		Chuyên viên phòng Thủy sản	Dự thảo vb	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng Thủy sản	Ý kiến xét duyệt	1/8 ngày
B3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên phòng Thủy sản	Văn bản phát hành (<i>Giấy chứng nhận</i>)	1/8 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác	1/4 ngày
Tổng thời gian thực:				02 ngày làm việc

11. Tên TTHC: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 03 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Thủy sản tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thủy sản	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Chuyên viên phòng Thủy sản	Dự thảo vb	1,5 ngày
		Lãnh đạo Phòng Thủy sản	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên phòng Thủy sản	Văn bản phát hành (<i>Giấy chứng nhận</i>)	1/4 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan Giấy chứng nhận</i>)	1/4 ngày
Tổng thời gian thực:				03 Ngày làm việc

12.Tên TTHC: Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 02 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/8 ngày
B2	Phòng Thủy sản tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thủy sản	Ý kiến phân công	1/8 ngày
		Chuyên viên phòng Thủy sản	Dự thảo văn bản	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng Thủy sản	Ý kiến xét duyệt	1/8 ngày
B3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên phòng Thủy sản	Văn bản phát hành (<i>Giấy chứng nhận</i>)	1/8 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	1/4 ngày
Tổng thời gian thực:				02 ngày làm việc

13. Tên TTHC: Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 02 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/8 ngày
B2	Phòng Thủy sản tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thủy sản	Ý kiến phân công	1/8 ngày
		Chuyên viên phòng Thủy sản	Dự thảo văn bản	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng Thủy sản	Ý kiến xét duyệt	1/8 ngày
B3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên phòng Thủy sản	Văn bản phát hành (<i>Giấy chứng nhận</i>)	1/8 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời	1/4 ngày
Tổng thời gian thực:				02 ngày làm việc

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1. Tên thủ tục: Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 42 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị tiếp nhận và xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị	Dự thảo văn bản đề nghị ban hành văn bản thông báo công khai phương án	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị	Ý kiến trình ký duyệt	01 ngày
B3	Ký duyệt	Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND	Ý kiến ký duyệt	01 ngày
B4	Lấy số, vào sổ, phát hành văn bản	Văn thư	Văn bản thông báo công khai Phương án	1/2 ngày
B5	UBND huyện xem xét ký duyệt văn bản, chuyển kết quả theo nơi nhận văn bản (UBND cấp xã và khu dân cư nơi dự kiến thực hiện đồng quản lý)			01 ngày
B6	Thành lập hội đồng thẩm định	Chuyên viên Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị	Dự thảo Quyết định	13 ngày
		Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện hoặc phòng Kinh	Ý kiến trình ký duyệt	01 ngày

		tế Hạ tầng và đô thị		
B7	Ký duyệt	Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND	Ý kiến ký duyệt	01 ngày
B8	Lấy số, vào sổ, phát hành văn bản	Văn thư	Văn bản phát hành(<i>Quyết định thành lập HĐTD</i>)	1/2 ngày
B9	Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa (nếu cần)	Hội đồng thẩm định Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa (nếu cần) Giao cho chuyên viên Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị tổng hợp xây dựng dự thảo	Thẩm định, đánh giá cơ sở, lập Biên bản đánh giá và Tờ trình đề nghị ban hành Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng	16 ngày
		Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị	Ý kiến trình ký duyệt	1/2 ngày
B10	Xem xét và phê duyệt	Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND	Ý kiến ký duyệt	02 ngày
B11	Lấy số, vào sổ, bàn giao hồ sơ ra Bộ phận TN&TKQ	Văn thư	Văn bản phát hành (<i>Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng</i>)	1 ngày
B12	Trả kết quả	Bộ phận TN và TKQ của UBND cấp huyện	Đính kèm kết quả (<i>scan Quyết định</i>)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				42 ngày làm việc

2. Tên TTHC: Công bố mở cảng cá loại 3

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 4,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận TN và TKQ cấp huyện	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị	Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Chuyên viên Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị	Dự thảo Quyết định sửa đổi bổ sung	3 ngày
		Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Văn thư	Văn bản phát hành (<i>Quyết định</i>)	1/4 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận TN và TKQ của UBND cấp huyện	Đính kèm kết quả (<i>scan Quyết định</i>)	1/4 ngày
Tổng thời gian thực:				4,5 ngày làm việc

3. Tên TTHC: Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 05 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ UBND huyện, TP	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị tiếp nhận và xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị	Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị	Ý kiến trình phê duyệt	1/2 ngày
B3	Xem xét và phê duyệt	Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao ra Bộ phận TN&TKQ	Văn thư	Văn bản phát hành (<i>Quyết định sửa đổi, bổ sung</i>)	1/2 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ UBND huyện, thành phố	Đính kèm kết quả (<i>scan Quyết định</i>)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				05 ngày làm việc

-Trường hợp: Sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản

+ Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 42 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ UBND huyện, thành phố	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị tiếp nhận và xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị	Dự thảo văn bản đề nghị ban hành văn bản thông báo công khai phương án	03 ngày
		Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị	Ý kiến trình ký duyệt	1/2 ngày
B3	Ký duyệt	Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND	Ý kiến ký duyệt	01 ngày
B4	Lấy số, vào sổ, phát hành văn bản	Văn thư	văn bản thông báo công khai Phương án	1/2 ngày
B5	UBND huyện xem xét ký duyệt văn bản, chuyển kết quả theo nơi nhận văn bản <i>(UBND cấp xã và khu dân cư nơi dự kiến thực hiện đồng quản lý)</i>			02 ngày
B6	Thành lập hội đồng thẩm định	Chuyên viên Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện hoặc phòng Kinh	Dự thảo Quyết định	10 ngày

		tế Hạ tầng và đô thị		
		Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị	Ý kiến trình ký duyệt	01 ngày
B7	Ký duyệt	Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND	Ý kiến ký duyệt	02 ngày
B8	Lấy số, vào sổ, phát hành văn bản	Văn thư	Văn bản phát hành(<i>Quyết định thành lập HĐTD</i>)	1/2 ngày
B9	Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần)	Hội đồng thẩm định Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần) Giao cho chuyên viên Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị tổng hợp xây dựng dự thảo	Thẩm định, đánh giá cơ sở, lập Biên bản đánh giá và Tờ trình đề nghị ban hành Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng	16 ngày
		Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị	Ý kiến trình ký duyệt	01 ngày
B10	Xem xét và phê duyệt	Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND	Ý kiến ký duyệt	02 ngày
B11	Lấy số, vào sổ, bàn giao hồ sơ ra Bộ phận TN&TKQ	Văn thư	Văn bản phát hành (<i>Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng</i>)	1 ngày
B12	Trả kết quả	Bộ phận TN và TKQ của UBND cấp huyện	Đính kèm kết quả (<i>scan Quyết định</i>)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				42 ngày làm việc

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO CƠ QUAN KHÁC THỰC HIỆN**1. Tên TTHC: Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)**

- Thời gian thực tế giải quyết: 2 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Tổ chức quản lý cảng cá của tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Tổ chức quản lý cảng cá của tỉnh tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo quản lý cảng cá của tỉnh	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Nhân viên quản lý cảng cá của tỉnh	Dự thảo Văn bản	01 ngày
B3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo quản lý cảng cá của tỉnh	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Nhân viên quản lý cảng cá của tỉnh	Văn bản phát hành (<i>Giấy chứng nhận</i>)	1/8 ngày
B5	Trả kết quả	Tổ chức quản lý cảng cá của tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan Giấy chứng nhận</i>)	1/8 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				02 Ngày làm việc

2.Tên TTHC: Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá

Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 16 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu); 08 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi)

+ Đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Cơ quan đang ký tàu cá	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Cơ quan đang ký tàu cá tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo cơ quan đang ký tàu cá	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Nhân viên cơ quan đang ký tàu cá	Dự thảo Văn bản; thẩm định	13 ngày
B3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo cơ quan đang ký tàu cá	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Nhân viên cơ quan đang ký tàu cá	Văn bản phát hành (<i>Giấy chứng nhận</i>)	1/2 ngày
B5	Trả kết quả	Cơ quan đang ký tàu cá	Đính kèm kết quả (<i>scan Giấy chứng nhận</i>)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				16 ngày làm việc

+Đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Cơ quan đang ký tàu cá	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Cơ quan đang ký tàu cá tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo cơ quan đang ký tàu cá	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Nhân viên cơ quan đang ký tàu cá	Dự thảo Văn bản; thẩm định	5,5 ngày
B3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo cơ quan đang ký tàu cá	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Nhân viên cơ quan đang ký tàu cá	Văn bản phát hành (<i>Giấy chứng nhận</i>)	1/2 ngày
B5	Trả kết quả	Cơ quan đang ký tàu cá	Đính kèm kết quả (<i>scan Giấy chứng nhận</i>)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				08 ngày làm việc

3. Tên TTHC: Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 03 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Cơ quan đăng ký tàu cá	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Cơ quan đăng ký tàu cá tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo cơ quan đăng ký tàu cá	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Nhân viên cơ quan đăng ký tàu cá	Dự thảo Văn bản; thẩm định	01 ngày
B3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo cơ quan đăng ký tàu cá	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Nhân viên cơ quan đăng ký tàu cá	Văn bản phát hành (<i>Giấy chứng nhận</i>)	1/4 ngày
B5	Trả kết quả	Cơ quan đăng ký tàu cá	Đính kèm kết quả (<i>scan Giấy chứng nhận</i>)	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				02 ngày làm việc